

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-9-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, thư ký TAND
huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Tuấn Anh- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô
tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số: 48/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07/6/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1994 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 - Có ý kiến đề nghị xét xử vắng
mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2024, quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H trình
bày trình bày:*

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào năm 2013. Sau khi kết
hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung
sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống,
không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn, chơi
bời, cờ bạc nợ nần nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Chị H nhiều lần khuyên bảo

anh T nhưng không được đến năm 2022 chị H đã đưa các con về sinh sống xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, chị H yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về yêu cầu nuôi con: Chị H yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2024, lời khai tại phiên hoà giải, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông năm 2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thất bại, không có sự chia sẻ với nhau nên vợ chồng mâu thuẫn, chị H bỏ về quê sinh sống, sau đó anh chị hàn gắn, đoàn tụ với nhau đến 2021 thì chị H quay về Krông N sinh sống làm việc nhưng khi quay về chung sống với nhau vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn đến tháng 6 năm 2022 thì chị H bỏ đi hẳn, trong thời gian đó anh T không liên lạc với chị H, đến tháng 4 năm 2023 thì anh T bị bắt, sau đó anh T đi chấp hành án đến nay mới hoà nhập cộng đồng. Trong thời gian anh chị có 02 con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2021 anh chị không chung sống với nhau thì cháu T ở cùng anh và bố mẹ anh, cháu V ở cùng với chị H. Đến thời điểm năm 2022 khi chị H bỏ đi thì 02 cháu ở cùng với anh T, đến tháng 12 năm 2022 chị H mới đón cháu về quê và các cháu ở cùng với chị H từ đó đến nay.

Trước yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H thì anh T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H. Anh T đồng ý giao các con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 cho chị Lê Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời anh T đồng ý cấp dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2024. Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc của anh T đi làm xa, chị H lại đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy anh T cũng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 cho chị Lê Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2024. Địa điểm giao, nhận tiền cấp dưỡng: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng: Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 CMND Lê Thị H; 02 bản sao giấy khai sinh của 02 con chung; 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 biên bản ghi nhận ý kiến của con chung Nguyễn Lê Nhật V và Nguyễn Lê Gia T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013, quyền số 01/2009 được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông xác nhận ngày 05/9/2013. Do đó, hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25/6/2024 tại xã T thể hiện: Chính quyền địa phương không biết giữa anh T và chị H có mâu thuẫn gì không. Tuy nhiên tại thời điểm xác minh anh T đang bị tạm giam do có hành vi vi phạm pháp luật hình sự còn chị H và 02 con đã về quê sinh sống, chị H không có mặt tại địa phương, anh chị không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Qua trình bày của anh T thì vợ chồng anh và chị H mâu thuẫn với nhau đã lâu, anh chị có tìm cách hàn gắn nhưng không được, đến tháng 6 năm 2022 thì chị H bỏ đi hẳn, trong thời gian đó anh T không liên lạc được với chị H, đến tháng 4 năm 2023 thì anh T bị bắt, sau đó đi chấp hành án đến nay mới hoà nhập cộng đồng nên vợ chồng không chung sống với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng phai nhạt, xa cách. Quá trình giải quyết vụ án Toà án triệu tập chị H để hoà giải đoàn tụ nhưng chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không thể hàn gắn được mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, giải quyết cho chị Lê Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 16/8/2024, các cháu Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 đang ở cùng chị H, các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Anh T cũng đồng ý giao các con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy các con chung của anh T và chị H chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Các cháu ở cùng với chị H đang có cuộc sống môi trường học tập ổn định, mặt khác anh T cũng cần có thời gian để ổn định công việc, cuộc sống, anh T cũng đồng ý giao các con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy giao các cháu Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Thị H.

[2.3]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”.

Hội đồng xét xử xét thấy chị H được giao trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành vì vậy việc chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con là để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con chung. Anh Nguyễn Văn T đồng ý cấp dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/ 01 con. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 là phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cụ thể:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Lê Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0000583, ngày 06/6/2024. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

b. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 cho chị Lê Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

c. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

- Mức cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật V, sinh ngày 03/5/2014 và Nguyễn Lê Gia T, sinh ngày 14/11/2016 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/ 01 con.

Phương thức cấp dưỡng: Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2024.

Địa điểm giao, nhận tiền cấp dưỡng: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng: Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Lê Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

theo biên lai số 0000583, ngày 06/6/2024. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hoàn trả chị Lê Thị H số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND thị trấn Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Nhi